

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: Kinh tế

Định hướng ứng dụng

Năm 2024



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các chương trình đào tạo,
chương trình chuẩn trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo, chương trình chuẩn trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa đào tạo chương trình chuẩn tại Điều 1, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH
MARKETING
Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,
CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2392** /QĐ-ĐHTCM ngày **05** tháng 9 năm 2024
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
2	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
3	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
4	Bất động sản	
5	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
		Hải quan – Xuất nhập khẩu
6	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
		Kiểm toán
7	Luật kinh tế	
8	Toán kinh tế	
9	Kinh tế	
10	Công nghệ tài chính	
11	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kế toán
		Tin học quản lý

Tổng cộng: 11 ngành, 23 chuyên ngành đào tạo./.

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH (Tiếng Việt): Kinh tế

TÊN NGÀNH (Tiếng Anh): Economics

TRÌNH ĐỘ: Đại học (định hướng ứng dụng)

MÃ NGÀNH: 7310101

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Căn cứ xây dựng	1
2. Giới thiệu chương trình đào tạo	1
3. Thông tin chung	2
4. Mục tiêu đào tạo	3
5. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
6. Khối lượng kiến thức toàn khóa	4
7. Tuyển sinh	5
8. Nội dung chương trình	5
9. Phương pháp dạy học	8
10. Phương pháp kiểm tra đánh giá	9
11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	10
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT	13
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO	38
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy	38
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	41
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo	43
4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng	46
C. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	46
E. PHỤ LỤC	46

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2392** /QĐ-ĐHTCM ngày **05** tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính - Marketing; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08 tháng 8 năm 2022, Quyết định số 373/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 02 năm 2023, Quyết định số 1166/QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Quyết định số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng Ngành Kinh tế theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng lần đầu tiên năm 2020. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước đối với nhóm ngành Kinh

tế, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 4 năm và 122 tín chỉ, trong đó thực hiện 6 tín chỉ tốt nghiệp.

Trường khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Kinh tế

3.2. Trình độ: Đại học

3.3. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân kinh tế

3.5. Mã ngành đào tạo: 7310101

3.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 122 (chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3.9. Khoa quản lý: Khoa Kinh tế - Luật

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng: Quyết định số 53/QĐ-TTKĐ ngày 20/5/2022

3.12. Website: <https://khoakinhteluat.ufm.edu.vn/>

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh: Chương trình đào tạo ngành Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Năm rà soát, cập nhật: 2024

3.15. Vị trí việc làm

Cử nhân ngành Kinh tế có cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Có thể làm việc vị trí chuyên viên phân tích và tư vấn kinh tế trong các cơ quan quản lý kinh tế các cấp (Trung ương, bộ, sở, ban ngành, địa phương), các tổ chức tư vấn, các tổ chức phi Chính phủ;

- Chuyên viên phân tích và tư vấn về kinh tế trong các tổ chức kinh tế và tài chính như ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, các trung tâm nghiên cứu và tư vấn kinh tế và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

- Giảng viên, nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế; các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế, các tổ chức nghiên cứu thị trường.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có nền tảng kiến thức về kinh tế - xã hội, kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về kinh tế; Có kiến thức và kỹ năng quản lý, quản lý kinh tế và phân tích chính sách; có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm với xã hội; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo; có khả năng vận dụng mô hình lý thuyết và công cụ để phân tích các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về Kiến thức:

- PO1: Vận dụng kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, kiến thức kinh tế và kinh doanh để phân tích hoạt động kinh tế và kinh doanh.
- PO2: Vận dụng kiến thức về kinh tế và kinh doanh để phân tích đánh giá các chính sách, các quyết định kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn.
- PO3: Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế; đánh giá, phân tích và dự báo được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và kinh doanh và quản lý kinh tế.

❖ Về kỹ năng:

- PO4: Phát triển các kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc.
- PO5: Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, tổ chức công việc khoa học.
- PO6: Khả năng vận dụng mô hình lý thuyết và công cụ để phân tích các vấn đề thực tiễn trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.

❖ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PO7: Tự tin, linh hoạt, chính trực, trách nhiệm, chuyên nghiệp trong hoạt động chuyên môn; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm để hoàn thành những công việc được giao đạt yêu cầu.
- PO8: Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

❖ Về kiến thức:

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức chuyên môn chung của ngành trong việc đánh giá, phân biện các vấn đề trong công việc.
- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, toán kinh tế, phân

tích dữ liệu, khởi nghiệp để thực hiện công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO3: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kinh doanh và quản lý vào việc đánh giá tác động chính sách đối với hoạt động kinh tế, kinh doanh của doanh nghiệp và của nền kinh tế.

- PLO4: Vận dụng các công cụ phân tích kinh tế và kinh doanh để đưa ra các quyết định kinh tế, kinh doanh và quản lý.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO5: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO6: Xử lý được các tình huống liên quan đến ứng dụng công nghệ, giải quyết bài toán kinh tế, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp.

- PLO7: Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông; kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn.

- PLO8: Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích kinh tế, kinh doanh để phân tích, đánh giá các quyết định kinh tế và kinh doanh.

❖ *Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- PLO9: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- PLO10: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát được những người khác thực hiện được nhiệm vụ.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 122 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	26	21%
1.1	Kiến thức lý luận chính trị	11	
1.2	Kiến thức pháp luật	3	
1.3	Ngoại ngữ	6	
1.4	Toán – Tin	6	
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90	74%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	39	32%
2.2	Kiến thức ngành	30	25%
2.3	Kiến thức chuyên ngành	15	12%
a	Học phần bắt buộc	9	60%
b	Học phần tự chọn	6	40%
2.4	Kiến thức bổ trợ ngành	6	5%
3	Tốt nghiệp	6	5%
	Khóa luận tốt nghiệp	6	5%
	Hoặc		
	Thực tập cuối khóa	3	2,5%

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
	Học phần thay thế	3	2,5%
	Tổng	122	100%

7. TUYỂN SINH

Hằng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương				26	26	0	
a	Kiến thức lý luận chính trị			11	11	0	
1	011134	Triết học Mác – Lênin	Marxist – Leninist phylosophy	3	3	0	X
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Marxist Leninist political economics	2	2	0	X
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	2	2	0	X
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	X
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	X
b	Kiến thức pháp luật			3	3	0	
6	010637	Pháp luật đại cương	General Law	3	3	0	X
c	Ngoại ngữ			6	6	0	
7	011739	Tiếng Anh trong kinh doanh	English for business	3	3	0	X
8	011740	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	Advanced English for business	3	3	0	X
d	Toán – Tin học			6	6	0	
9	011741	Toán kinh tế	Mathematic for Economics	3	3	0	X

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
10	011742	Năng lực số	Digital literacy	3	3	0	X
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp							
a	Kiến thức cơ sở ngành			39	39	0	
11	011817	Kinh tế học vi mô	Microeconomics	3	3	0	X
12	011818	Kinh tế học vĩ mô	Macroeconomics	3	3	0	X
13	010038	Nguyên lý kế toán	Principles of accounting	3	3	0	
14	010630	Nguyên lý Marketing	Principles of marketing	3	3	0	X
15	010033	Quản trị học	Principles of Management	3	3	0	X
16	010035	Tài chính – Tiền tệ	Financial and monetary theory	3	3	0	X
17	011743	Luật kinh doanh	Business law	3	3	0	
18	010081	Thuế	Taxation	3	3	0	X
19	010163	Tài chính doanh nghiệp	Corporate finance	3	3	0	X
20	011744	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Entrepreneurship and Innovation	3	3	0	X
21	011866	Kinh tế lượng	Econometrics	3	3	0	X
22	011745	Phát triển bền vững	Sustainable development	3	3	0	X
23	011746	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	Artificial intelligence in Business	3	3	0	X
b	Kiến thức ngành			30	30	0	
24	011170	Marketing kỹ thuật số	Digital marketing	3	3	0	
25	011749	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	Business ethics and social responsibility	3	3	0	X
26	011869	Chính sách kinh tế	Economic policy	3	3	0	
27	011801	Đầu tư công	Public investment	3	3	0	X
28	010570	Kinh tế quốc tế	International economics	3	3	0	
29	010872	Kinh tế phát triển	Development economics	3	3	0	
30	011748	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Business data analysis	3	3	0	X

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
31	010041	Hành vi khách hàng	Customer behavior	3	3	0	X
32	010840	Tài chính công	Public finance	3	3	0	X
33	011747	Quy hoạch đô thị	Urban planing	3	3	0	
c	Kiến thức chuyên ngành			15	15	0	
Học phần bắt buộc							
34	010302	Phân tích và dự báo kinh tế	Data analysis and forecast in economics	3	3	0	
35	011857	Phân tích lợi ích và chi phí	Cost benefit analysis	3	3	0	X
36	011853	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	Project appraisal and management	3	3	0	X
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)							
	Nhóm 1						
37	011854	Kinh tế lao động	Labor Economics	3	3	0	
38	011803	Thống kê kinh tế	Economic statistics	3	3	0	
	Nhóm 2						
39	010931	Quản lý nhà nước về kinh tế	State management of economics	3	3	0	
40	011230	Kế toán công	Pulic accounting	3	3	0	
d	Kiến thức bổ trợ ngành			6	6	0	
41	010817	Quản trị nguồn nhân lực	Human resource management	3	3	0	
42	010987	Kinh doanh quốc tế	International bussiness	3	3	0	
3. Tốt nghiệp				6			
43	011368	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	6	0	0	
	Hoặc						
44	011369	Thực tập cuối khóa	Professional internship	3	0	3	
45	011802	Học phần thay thế: Quản lý phát triển địa phương	Local development management	3	3	0	
Tổng số tín chỉ khóa học				122			

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

• *Thuyết giảng*: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

• *Thuyết trình*: Tùy vào sĩ số lớp, giảng viên sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi học phần. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. Giảng viên sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.

• *Thảo luận nhóm*: Giảng viên yêu cầu học viên chuẩn bị trước một chủ đề, phân thành nhóm nhỏ với số lượng từ 3 – 5 người học, chuẩn bị nội dung trình chiếu Slide. Trình bày nội dung trước lớp với thời gian từ 20 đến 30 phút. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm còn lại.

• *Bài tập tình huống*: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy học viên làm trung tâm, giúp học viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu học viên giải quyết, giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

❖ Thực hành: tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:

Đây là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp. Người học, bằng các kiến thức đã được học, có nhiệm vụ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được, liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

9.2. Phương pháp học tập của người học

❖ **Hướng dẫn tự học**: là phương pháp theo đó người học sẽ nghiên cứu tài liệu để thu nhận kiến thức và tự rèn luyện kỹ năng dưới sự hướng dẫn của người dạy.

❖ **Tự học**: là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của người dạy. Phương pháp này giúp người học tự định hướng việc học hành của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà người dạy gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

9.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Hướng dẫn thực hành là phương pháp dạy học trong đó người học thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, thực tế tại các cơ quan, tổ chức để giúp người học hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, từ đó tiếp nhận được kiến thức và hình thành kỹ năng nghề nghiệp thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

[illegible]

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng Ngành Kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm. Thời gian tối đa là 7 năm.

- Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ đại học hoặc Quy chế đào tạo vừa làm vừa học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo và kế hoạch đào tạo

a) Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

b) Kế hoạch đào tạo:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác – Lênin	
3	Toán kinh tế	3	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô	
4	Năng lực số	3		
5	Kinh tế học vi mô	3		
6	Kinh tế học vĩ mô	3	Kinh tế học vi mô	
7	Nguyên lý kế toán	3		
8	Nguyên lý marketing	3		
9	Quản trị học	3		
10	Pháp luật đại cương	3		
11	Tiếng Anh trong kinh doanh	3		
12	Tài chính – Tiền tệ	3	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô	
	Tổng	35		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
3	Luật kinh doanh	3		
4	Thuế	3		
5	Tài chính doanh nghiệp	3		
6	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3		
7	Kinh tế lượng	3		
8	Phát triển bền vững	3		
9	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3		
10	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	Tiếng Anh trong kinh doanh	
11	Marketing kỹ thuật số	3	Nguyên lý marketing	
12	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3		
	Tổng	34		

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Chính sách kinh tế	3		
3	Đầu tư công	3		
4	Kinh tế quốc tế	3		
5	Kinh tế phát triển	3		
6	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3		
7	Hành vi khách hàng	3	Nguyên lý marketing	
8	Tài chính công	3		
9	Quy hoạch đô thị	3		
10	Phân tích và dự báo kinh tế	3		
11	Phân tích lợi ích và chi phí	3		
12	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3		
	Tổng	35		

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Kinh tế lao động	3		Chọn 1 trong 2 học phần
	Thống kê kinh tế	3		

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		Chọn 1 trong 2 học phần
	Kế toán công	3		
3	Quản trị nguồn nhân lực	3		
4	Kinh doanh quốc tế	3		
5	Khóa luận tốt nghiệp	6		
Hoặc				
6	Thực tập cuối khóa	3		
7	Học phần thay thế: Quản lý phát triển địa phương	3		
Tổng		18		

11.4. Tổ chức thi kết thúc học phần

Công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành.

11.5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

a) Điều kiện tốt nghiệp

❖ Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính - Marketing; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08 tháng 8 năm 2022, Quyết định số 373/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 02 năm 2023, Quyết định số 1166/QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 5 năm 2024; Quyết định số 2189/QĐ-ĐHTCM ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

❖ Điều kiện về kỹ năng mềm:

Người học phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian.
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm.
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả.
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm.
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo.

❖ Điều kiện về ngoại ngữ:

Có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;

- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Cấp bằng đại học, cấp bằng điểm

- Cấp bằng, phụ lục văn bằng đại học: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước.

- Cấp bằng điểm: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước, hoặc khi người học có yêu cầu.

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Triết học Mác – Lênin

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Lĩnh hội những tri thức căn bản, có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin, sử dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật trong việc học tập những học phần khác và nhận thức, đánh giá các các vấn đề trong công việc. Từ đó có niềm tin vào các quan điểm của bản thân và khả năng bảo vệ được các quan điểm đó

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Triết học Mác – Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của người học vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ việc lĩnh hội tri thức của học phần, người học thấy rõ ý nghĩa phương pháp luận việc vận dụng triết học Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng như những lợi ích mà người học có được khi đến với học phần này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Có khả năng hình thành những kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển của đất nước và bản thân người học. Qua đó góp phần giúp người học xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin và một số vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nội dung kinh tế chính trị Mác – Lênin trong học phần tập trung vào hàng hoá, thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền. Những vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ được chọn lọc trong học phần bao gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội, quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị hệ thống kiến thức căn bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học. Có khả năng sử dụng kiến thức đã học để xem xét, giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 6 chương, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

5. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có những hiểu biết mang tính hệ thống về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay; người học có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập học phần và vận dụng kiến thức lịch sử đã học vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, người học được nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 4 chương, trang bị cho người học sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao

nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

6. Pháp luật đại cương

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần Pháp luật đại cương đặt mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, với kiến thức và kỹ năng được trang bị, người học có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật đúng đắn.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm hai phần: Phần I: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật và Phần II: Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phần I chuyên tài những vấn đề lý luận cơ bản nhất của nhà nước (như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng; hình thức của nhà nước và bộ máy nhà nước) và pháp luật (nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm, bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần II cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, quan hệ pháp luật và nội dung cốt lõi của một số chế định của một số ngành luật thuộc lĩnh vực luật tư (gồm Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Tố tụng dân sự). Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức quan trọng của Luật Phòng chống tham nhũng và quyền con người.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(R), PLO10(R).

7. Tiếng Anh trong kinh doanh

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải

quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó người học phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng giao tiếp thực tế trong môi trường kinh doanh, thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại nơi làm việc. Học phần trang bị cho người học kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài liên quan đến các hoạt động marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế..., để có thể chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(R), PLO10(I).

8. Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 03

❖ Điều kiện tiên quyết: Học xong môn “Tiếng Anh trong kinh doanh”

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống giao tiếp trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của người học về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, người học phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho người học thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng sau khi học xong học phần Tiếng Anh trong kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Người học được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(M), PLO10(I).

9. Năng lực số

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được khái niệm năng lực số, tầm quan trọng của năng lực số trong công việc, khung năng lực số theo tiêu chuẩn của người lao động trong thời đại Công nghệ 4.0; Các ứng dụng của năng lực số trong công việc cũng như kỹ năng phát triển năng lực số. Nội dung học phần đảm bảo trang bị đầy đủ các kiến thức để thích ứng, làm chủ công nghệ số, phát triển kỹ năng số giúp người học có thể nâng cao khả năng tự học, dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và theo kịp sự phát triển của thời đại công nghệ số. Hệ thống bài tập thực hành giúp người học trau dồi kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp giải quyết vấn đề theo từng tình huống, tích lũy kinh nghiệm và phát triển năng lực số nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của mình. Ngoài ra, người học được rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm bảo quản tài sản và an toàn thông tin trong quá trình học

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học các nội dung như khái niệm năng lực số, khung năng lực số, nhóm năng lực số tại Việt Nam như: truy cập và đánh giá thông tin một cách hiệu quả trên môi trường số; khả năng tạo ra các nội dung số; Áp dụng được phân tích dữ liệu; biết cách khai thác, quản lý thông tin và dữ liệu,... một cách sáng tạo và hiệu quả. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học an toàn và an ninh số, những kiến thức nhất định về các công cụ chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp, áp dụng công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả công việc và nắm vững các xu hướng công nghệ mới trong ngành nghề

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO9(R), PLO10(R).

10. Toán kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

- Biết vận dụng các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức, hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế.

- Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể

- Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình kinh tế vi mô và vĩ mô cụ thể: các mô hình cân bằng, mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kiến thức các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức,

hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế. Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể; Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình kinh tế vi mô và vĩ mô cụ thể: các mô hình cân bằng, mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(R), PLO4(R), PLO5(R), PLO9(I).

11. Kinh tế học vi mô

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu về cung và cầu và các lực lượng cơ bản xác định trạng thái cân bằng trên thị trường, hành vi của người tiêu dùng và phân tích các quyết định của người tiêu dùng. Học phần này cũng đề cập đến các doanh nghiệp và các quyết định của họ về sản xuất tối ưu và tác động của các cấu trúc thị trường khác nhau đối với hành vi của các doanh nghiệp như các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh.... Học phần này còn nghiên cứu quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào. Ngoài ra, học phần này còn tìm hiểu những khuyết tật của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R), PLO9(R).

12. Kinh tế học vĩ mô

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô

để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Người học sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cân cân thanh toán. Ngoài ra, người học cũng được giới thiệu các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

13. Nguyên lý kế toán

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này giúp cho người học hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán; nắm vững, vận dụng được các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, người học có thể tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- *Tóm tắt nội dung:*

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO6(I), PLO7(I), PLO9(R).

14. Nguyên lý marketing

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Nguyên lý marketing cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, người học có thể giải thích được bản chất marketing và vai trò của hoạt động marketing đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Bên cạnh đó, học phần giúp người học có thể vận dụng được các kiến thức căn bản về marketing để phân tích môi trường marketing, đánh giá hoạt động marketing và đề xuất giải pháp marketing cho doanh nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, tập trung phân tích kiến thức căn bản về marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung liên quan đến công tác triển khai các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, phân tích các nội dung căn bản của phối thức marketing liên quan đến chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược truyền thông marketing.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(I), PLO7(I), PLO9(I), PLO10(I).

15. Quản trị học

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PL01(I), PL05(M), PL10(R).

16. Tài chính – Tiền tệ

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (foundation learning courses) của các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế. Các nội dung của học phần này vừa

mang tính lý thuyết lại vừa gắn liền với các hoạt động thực tiễn. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức lý luận kinh tế cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính và tiền tệ với sự đảm bảo các yếu tố khoa học, hiện đại và thực tiễn, làm nền tảng để nghiên cứu các học phần nghiệp vụ thuộc các chuyên ngành kinh tế. Ngoài ra, học phần này giúp người học hiểu, mô tả và giải thích được các hiện tượng, sự kiện tài chính tiền tệ, liên hệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ thông qua diễn biến của các thông tin tài chính; Cuối cùng, học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư, như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường. Từ đó nâng cao kỹ năng tiếp cận thông tin, kỹ năng tư duy cũng như rèn luyện cho người học một số kỹ năng cần thiết khác liên quan.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính – tiền tệ là học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá cũng như các thị trường tài chính, hiểu được quá trình hoạt động của các chủ thể quan trọng trong hệ thống tài chính như ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, tài chính công, tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc tế. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của hệ thống tài chính và các chủ thể trong hệ thống tài chính từ đó người học có cơ hội lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

17. Luật Kinh doanh

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và kiến thức pháp lý cơ bản nhất về thành lập, tổ chức và hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế; đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để tìm kiếm và áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động kinh doanh, từ đó hình thành ý thức kinh doanh có trách nhiệm.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 5 chương. Sau khi được trang bị những kiến thức Tổng quan về Luật Kinh doanh (Chương 1), người học được tiếp cận với pháp luật thực định điều chỉnh quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh (gồm hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã), tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp (Chương 2). Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp người học nghiên cứu và vận dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, nhất là các hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ... (Chương 3). Pháp luật về chấm dứt hoạt động kinh doanh bằng hình thức phá sản được chuyển tải trong Chương 4. Các phương thức giải quyết

tranh chấp trong kinh doanh (theo quy định của pháp luật) thuộc chương cuối cùng (Chương 5).

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(I), PLO8(R), PLO10(R).

18. Thuế

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước:
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, cơ sở lý luận về thuế nhằm giúp người học hiểu được tổng quan về thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và những nội dung chủ yếu của các sắc thuế đang được áp dụng hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng cơ bản để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp; từng bước hình thành ý thức tuân thủ các quy định pháp luật của người nộp thuế, và đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện chính sách thuế.

- *Tóm tắt nội dung*

Học phần này là học phần bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành của Trường Đại học Tài chính – Marketing. Học phần cung cấp cho người học những nội dung tổng quan về thuế và các sắc thuế cụ thể tại Việt Nam gồm: thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Nội dung của mỗi sắc thuế gồm những quy định của pháp luật thuế về: Đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, thời hạn kê khai và nộp thuế, quyết toán thuế ở mức độ cơ bản.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần: PLO2(R), PLO6(R); PLO9(R); PLO10(R).

19. Tài chính doanh nghiệp

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về tài chính doanh nghiệp, biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp. Người học sẽ có khả năng hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn. Học phần sẽ giúp người học có cái nhìn khái quát về các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, từ đó nâng cao khả năng ứng dụng thực tiễn và chuẩn bị cho các vị trí công việc liên quan đến tài chính doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn

trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp. Những kiến thức này nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính doanh nghiệp..

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

20. Khởi nghiệp và đổi mới Sáng tạo Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô; Quản trị học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần giúp người học xây dựng một góc nhìn và thái độ tích cực đối với hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức ban đầu, giúp người học dễ dàng tiếp cận các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo; trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ thông dụng trong hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá và đưa ra các lựa chọn trong kinh doanh để thiết lập một mô hình kinh doanh, triển khai đưa ý tưởng của mình vào thực tế.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đóng vai trò tiền đề cung cấp cho người học một cái nhìn bao quát về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Qua học phần này, người học sẽ được đào tạo các kiến thức sơ khởi và cơ bản thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh và Tiếp thị, góp phần giúp họ tiếp cận tốt hơn với các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong tổng thể chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn người học sử dụng một số công cụ thông dụng hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo; qua đó củng cố sự tự tin và thái độ tích cực, khuyến khích rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển các ý tưởng kinh doanh, năng lực đánh giá, phân tích để lựa chọn và xây dựng một kế hoạch khởi nghiệp hoàn chỉnh về cấu trúc và đáp ứng yêu cầu về nội dung theo tiêu chuẩn học phần đề ra.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(I), PLO8(R), PLO9(I), PLO10(R).

21. Kinh tế lượng Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Toán kinh tế; Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

- *Tóm tắt nội dung:*

Cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho người học cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(I), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(I).

22. Phát triển bền vững

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Phát triển bền vững được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức và thái độ sống, học tập và làm việc trước xu thế tất yếu, không thể né tránh hay phủ nhận của thời đại. Thông qua các nội dung được giảng dạy và thảo luận, người học ý thức được các vấn đề của một quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai, từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn trong mọi hoạt động của đời sống từ sinh hoạt cá nhân đến lao động, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đưa ra những vấn đề khái quát chung về phát triển bền vững bao gồm các khái niệm, nguyên tắc và lý thuyết về phát triển bền vững. Cung cấp các kiến thức để người học: Hiểu, luận giải, phân tích, đánh giá các vấn đề trên cơ sở 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Nội dung chính của học phần sẽ đề cập đến vấn đề phát triển bền vững ở 7 lĩnh vực kinh tế - xã hội như: Tăng trưởng kinh tế; Công nghiệp và hạ tầng; Tài nguyên; Giáo dục và y tế; Năng lượng; Bình đẳng xã hội; và Chính sách phát triển bền vững. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh phát triển bền vững ở Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phân biện độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R); PLO10(R).

23. Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế lượng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Trí tuệ nhân tạo, các vấn đề về phương pháp trong việc xây dựng các mô hình có sử dụng trí tuệ nhân tạo; bao gồm các phương pháp toán thống kê, các thuật toán cơ bản của phân tích dữ liệu và ứng dụng các công nghệ và khoa học dữ liệu mới vào thực tiễn kinh tế xã hội. Sau khi học xong

học phần này người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ trong việc thu thập, phân tích số liệu, xây dựng mô hình tổ chức hiệu quả cho các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kinh doanh và quản lý

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học các nội dung như khái niệm và vai trò của khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo đối với hoạt động kinh doanh và quản lý, cung cấp các phương pháp toán thống kê được sử dụng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo để giải quyết các bài toán kinh tế. Người học được trang bị các phương pháp công nghệ trong trí tuệ nhân tạo, các phương pháp phân lớp dữ liệu, phân cụm dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R), PLO10(R).

24. Marketing kỹ thuật số

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý marketing
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Marketing kỹ thuật số cung cấp kiến thức nền tảng sử dụng các phương tiện, công nghệ kỹ thuật số trong hoạt động Marketing. Người học có thể vận dụng, phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số; xây dựng chiến lược, kế hoạch triển khai các hoạt động marketing trên nền tảng số; xây dựng các chiến dịch sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật số để thực hiện các chương trình marketing; đo lường và cải tiến hoạt động marketing thông qua sử dụng các công cụ trên internet.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Marketing kỹ thuật số đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế số ngày nay khi nhiều hoạt động marketing truyền thống đã được thay đổi theo hướng số hoá. Nội dung học phần cung cấp người học kiến thức nền tảng marketing kỹ thuật số; phân tích môi trường vĩ mô, vĩ mô tác động đến hoạt động marketing kỹ thuật số của doanh nghiệp; chiến lược marketing kỹ thuật số; tác động của nền tảng số đến marketing hỗn hợp; marketing mối quan hệ trên nền tảng số; trải nghiệm của khách hàng trực tuyến; các chiến dịch marketing trên phương tiện số; hoạch định chiến dịch marketing trên phương tiện số; các công cụ truyền thông marketing kỹ thuật số; đánh giá, cải tiến các hoạt động marketing kỹ thuật số

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(I), PLO3(R), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10(R).

25. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về

đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp để người học hiểu được tầm quan trọng của việc thực hiện đạo đức trong kinh doanh; giải thích được mối quan hệ giữa kinh doanh và xã hội, làm thế nào cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững thông qua các bài tập tình huống. Kỳ vọng người học có thể tư duy sáng tạo, phân tích được chương trình đạo đức trong tổ chức; xử lý hiệu quả các tình huống đạo đức trong mối quan hệ với các bên liên quan khi quản trị doanh nghiệp và có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Học phần cung cấp cho người học một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh; các chuẩn mực và vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp; trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức kinh doanh,... Ngoài ra người học có cơ hội phân tích và tập xử lý các tình huống đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội thực tế của các doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(M), PL10(R).

26. Chính sách kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể giải thích quy trình chính sách; phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách kinh tế đến phúc lợi xã hội.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này, trước hết, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản chính sách kinh tế và quá trình xây dựng và thực thi chính sách kinh tế, bao gồm hoạch định, tổ chức thực hiện, phân tích, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế. Tiếp theo, học phần giới thiệu về phân tích và đánh giá đối với từng chính sách cụ thể như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách kinh tế đối ngoại. Cuối cùng, học phần cung cấp các báo cáo đánh giá kinh tế Việt Nam từ các tổ chức trong nước và quốc tế giúp người học có cái nhìn thực tế về tác động của các chính sách kinh tế đối với nền kinh tế Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4 (M), PLO7(R), PLO8 (M), PLO9 (M).

27. Đầu tư công

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư công, pháp luật về đầu tư công tại Việt Nam. Hiểu và vận dụng các tiêu chí kinh tế để đo lường hoạt động đầu tư; đánh giá được giá trị, hiệu quả và tác động của đầu tư công. Học phần hướng đến đảm bảo những yêu cầu cần thiết cho vị trí chuyên viên làm việc trong lĩnh vực đầu tư công ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu những khái niệm, lý thuyết cơ bản về đầu tư và đầu tư công; cung cấp những kiến thức để người học hiểu, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề về cơ cấu đầu tư công và pháp luật về quản lý đầu tư công ở Việt Nam; tiêu chí kinh tế để đo lường hoạt động đầu tư; đánh giá được giá trị đầu tư; hiệu quả và tác động của đầu tư công. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh đầu tư công ở Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phân biện độc lập để có những hàm ý chính sách về đầu tư cho các cấp quản lý nhà nước.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R), PLO10(R).

28. Kinh tế quốc tế

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể hiểu được sự phát triển của các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa, tư bản giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới; phân tích mô hình thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế quốc tế nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần này còn nghiên cứu sự dịch chuyển của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán từ một quốc gia đến phần còn lại của nền kinh tế thế giới. Mặc khác, học phần này cũng nghiên cứu chính sách điều tiết dòng vận động hàng hóa và tác động của chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Cuối cùng, học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

29. Kinh tế phát triển

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này người học có thể hiểu được các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và vai trò của các nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở đó người học vận dụng, phân tích, đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế phát triển giới thiệu các khía cạnh nguyên lý chung về phát triển kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển với các tiêu chí phân loại và các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế thế giới, các đặc trưng kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển, các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi xã hội cho con người. Dựa trên các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế, học phần đặt vấn đề vận dụng phân tích đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

30. Phân tích dữ liệu kinh doanh

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế lượng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, người học sẽ có khả năng hiểu được khái niệm, vai trò và tính ứng dụng của hoạt động phân tích dữ liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Người học phải có được các kỹ năng cơ bản của các hoạt động phân tích dữ liệu cùng với các kỹ năng sử dụng một phần mềm phân tích dữ liệu chuyên dụng.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này sẽ cung cấp những nội dung về: Định nghĩa của thống kê, phân loại các phương pháp thống kê, các phương pháp thống kê mô tả, các phương pháp thống kê suy diễn, các nội dung về phân tích chuỗi thời gian và dự báo.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

31. Hành vi khách hàng

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý marketing
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng gồm: người tiêu dùng cá nhân và người tiêu dùng tổ chức. Các nội dung

được xem xét đối với người tiêu dùng cá nhân gồm khái niệm hành vi người tiêu dùng, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng và các giai đoạn của quá trình quyết định mua hàng. Đối với người tiêu dùng tổ chức và hành vi mua của người tiêu dùng tổ chức bao gồm thị trường và hành vi mua của các doanh nghiệp sản xuất, thị trường và hành vi mua của các tổ chức thương mại, thị trường và hành vi mua của các tổ chức Nhà nước. Với việc nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng giúp người làm công tác Marketing có thể xây dựng được chiến lược Marketing thích hợp cho từng đoạn thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này thuộc khối kiến thức Ngành Marketing. Hoạt động Marketing đòi hỏi các nhà quản trị Marketing phải đưa ra các chiến lược chính xác đem lại hiệu quả cao cho hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên để có được những chiến lược Marketing hiệu quả nhà quản trị cần nắm bắt đầy đủ và rõ ràng những hành vi của nhóm khách hàng mục tiêu và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua của họ. Học phần hành vi người tiêu dùng đi vào phân tích các yếu tố tác động đến hành vi mua của người tiêu dùng và quá trình ra quyết định mua hàng hoá của họ. Với học phần này đối tượng cần nắm bắt không chỉ là người tiêu dùng cá nhân mà còn phải hiểu thị trường và hành vi của nhóm khách hàng tổ chức.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10(R).

32. Tài chính công

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò của tài chính công như là một công cụ trong việc thực hiện chức năng của chính phủ hiện đại. Trong đó nêu lên nguyên tắc phân bổ hiệu quả nguồn lực của nền kinh tế. Đề cập đến những vấn đề mà chính phủ phải giải quyết thông qua công cụ tài chính. Trang bị cho người học cái nhìn về trách nhiệm của chính phủ cũng như chức năng của tài chính công trong việc thực hiện các vấn đề mà xã hội và nền kinh tế của một quốc gia đặt ra. Đồng thời xây dựng cho người học một tư duy đánh giá, hoạch định hoặc phản biện những chính sách tài chính của chính phủ trước những vấn đề của thời đại.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu chính phủ và vai trò của chính phủ trong mối quan hệ với các bộ phận khác của nền kinh tế. Người học sẽ được giải thích các nguyên tắc vận hành của chính phủ thông qua các thất bại của thị trường. Tiếp theo, học phần sẽ nêu các bộ phận hợp thành hệ thống tài chính công của Việt Nam, cung cấp các khái niệm, nội dung và trách nhiệm của chính phủ và các chủ thể khác trong nền kinh tế để giải quyết các vấn đề như: Hàng hóa công; Phân phối lại thu nhập; Ngoại tác; Tác động của thuế và vấn đề Cân đối ngân sách nhà nước... Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh kinh tế xã

hội của Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phản biện độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10(R).

33. Quy hoạch đô thị

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để người học có thể hiểu được các khái niệm, nguyên tắc, nội dung trong công tác quy hoạch đô thị và vai trò của quy hoạch đô thị trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Người học được trang bị kỹ năng đọc báo cáo và bản vẽ quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất... Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện giúp người học rèn luyện thêm về năng lực tự chủ, tự nghiên cứu.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm các nội dung đương đại về các vấn đề của quy hoạch đô thị như quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất, nhà ở, giao thông, môi trường, hạ tầng dịch vụ, phát triển bền vững và thành phố thông minh.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M).

34. Phân tích và dự báo kinh tế

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế phát triển
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học phân biệt được các dạng dữ liệu trong phân tích; sử dụng được các phần mềm để phân tích và dự báo kinh tế; vận dụng các phương pháp phân tích và dự báo kinh tế; phân tích, đánh giá được kết quả các hoạt động kinh tế trong thực tiễn.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân tích và dự báo, các dạng dữ liệu trong phân tích, các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học các phương pháp thống kê mô tả, phân tích tương quan, phân tích hồi quy với các loại dữ liệu khác nhau. Đặc biệt, với dữ liệu chuỗi thời gian, học phần giới thiệu các mô hình dự báo như mô hình ECM, VECM, ARIMA... Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu cho người học kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thông dụng SPSS, evIEWS, stata...

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M).

35. Quản lý nhà nước về kinh tế**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng các phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế để đánh giá hiệu lực và hiệu quả về quản lý nhà nước về kinh tế của một quốc gia hoặc địa phương.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này trang bị cho người học hệ thống kiến thức về quản lý nhà nước về kinh tế, các lý thuyết và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chủ yếu của học phần này giới thiệu cho người học những vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, các đặc trưng cơ bản, cơ chế, chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo nền kinh tế vận hành thông suốt giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia/địa phương trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M).

36. Thẩm định và quản lý dự án đầu tư**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: Nhận biết được các khái niệm và các công cụ liên quan tới thẩm định dự án đầu tư; thực hiện hoạt động thẩm định một dự án công độc lập, trên các quan điểm thẩm định khác nhau đã được trang bị; vận dụng các nguyên lý lợi ích và chi phí khi phân tích kinh tế dự án trong trường hợp các điều kiện kinh tế lý tưởng không tồn tại; và hiểu rõ được các nội dung liên quan đến quản lý dự án ở các giai đoạn từ đầu tư đến vận hành rồi kết thúc dự án. Học phần hướng đến đáp ứng yêu cầu cho người học trở thành chuyên viên thẩm định và quản lý dự án đầu tư.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần mở đầu giới thiệu về thẩm định dự án, ngân lưu dự án trong phương pháp phân tích lợi ích và chi phí. Tiếp theo sẽ trình bày hai nội dung chính là: Phân tích tính khả thi tài chính và Phân tích tính khả thi kinh tế. Phần cuối cùng của nội dung đi sâu vào quản lý dự án từ cơ sở pháp lý đến các công việc và quy trình thực hiện một dự án. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các dự án đầu tư ở Việt Nam có liên quan, từ đó hình thành tư duy phản biện độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M).

37. Kinh tế lao động**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể giải thích được các quy luật hoạt động trên thị trường lao động; đánh giá, phân tích các khía cạnh khác nhau của thị trường lao động.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản của kinh tế học lao động cả về khía cạnh lý thuyết lẫn thực tiễn. Đối với khía cạnh lý thuyết, các lý thuyết liên quan đến cung – cầu và cân bằng trên thị trường lao động, lý thuyết về đầu tư vào vốn nhân lực, di chuyển lao động, sự phân biệt đối xử trên thị trường lao động, công đoàn và thất nghiệp sẽ được giới thiệu để giúp người học hiểu và nắm bắt được các quy luật hoạt động trên thị trường lao động. Đối với khía cạnh thực tiễn, học phần cũng sử dụng rộng rãi các số liệu thống kê và các báo cáo, phân tích từ các thị trường lao động trong nước và thế giới để giúp người học có cái nhìn thực tiễn về cách thức hoạt động của thị trường lao động.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

38. Thống kê kinh tế

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học vận dụng được phương pháp thu thập thông tin; các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu; ứng dụng được phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích thống kê; phân tích được mối liên hệ của các chỉ tiêu kinh tế qua các mô hình và các hiện tượng kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung:*

Thống kê trong kinh tế giới thiệu các kiến thức cơ bản về thống kê, bao gồm các phương pháp thu thập thông tin; các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, Học phần này còn cung cấp cho người học hệ thống các phương pháp phân tích thống kê mô tả, thống kê suy luận, các phương pháp nghiên cứu mối liên hệ của các chỉ tiêu kinh tế qua các mô hình, phân tích quy luật phát triển của hiện tượng qua thời gian, các mô hình dự đoán làm cơ sở cho việc ra quyết định cả ở tầm vi mô và vĩ mô. Học phần còn giới thiệu các ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích thống kê giúp người học dễ dàng tiếp cận các phương pháp một cách thuận tiện.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

39. Quản lý phát triển địa phương

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế phát triển
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học giải thích được mô hình hóa kinh tế địa phương; phân tích tăng trưởng kinh tế địa phương, quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội địa phương, marketing địa phương.. Phân tích được những vấn đề thực tiễn quản lý phát triển địa phương (tỉnh/thành phố) ở Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung:*

Quản lý phát triển địa phương cung cấp cho người học cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về quản lý phát triển địa phương. Nội dung chủ yếu của học phần này là cung cấp những kiến thức về quản lý phát triển địa phương như mô hình hóa kinh tế địa phương, tăng trưởng kinh tế địa phương, quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội địa phương, marketing địa phương...Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu những vấn đề thực tiễn quản lý phát triển địa phương (tỉnh/thành phố) ở Việt Nam từ một số công trình nghiên cứu khoa học và các báo cáo của các tổ chức trong nước và quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(A).

40. Kế toán công

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kế toán tài chính
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần

- *Mục tiêu chung của học phần*

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp với kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

- *Tóm tắt nội dung*

Sau khi hoàn thành xong học phần này người học có hiểu rõ các khái niệm, phân loại, nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các nghiệp vụ kế toán cơ bản tại các đơn vị hành chính sự nghiệp và đơn vị ngân sách và tài chính xã; phân biệt được kế toán giữa các loại hình đơn vị như đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị ngân sách và tài chính xã khác và các doanh nghiệp, từ đó kiểm tra việc xử lý các nghiệp vụ kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp và đơn vị ngân sách và tài chính xã theo đúng quy định nhà nước.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(I), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10(R).

41. Quản trị nguồn nhân lực**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cốt lõi liên quan đến quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Người học hiểu được vai trò của công tác quản trị nguồn nhân lực và biết cách thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ phù hợp như phân tích công việc, thiết kế đánh giá thực hiện công việc. Triển khai các hoạt động cụ thể của các khâu thu hút, sử dụng và duy trì nguồn nhân lực một cách có hiệu quả như lập kế hoạch, tuyển dụng, bố trí sử dụng, đãi ngộ và duy trì quan hệ lao động tốt đẹp nhằm giúp tổ chức chủ động đảm bảo đúng số lượng, đủ chất lượng và có cơ cấu nhân lực hợp lý đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể. Thêm vào đó học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để áp dụng các phương pháp quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện người lao động trong tổ chức. Người học được rèn luyện tư duy để giải quyết các vấn đề nhân sự liên quan thông qua các tình huống quản trị nguồn nhân lực, phát triển tính chủ động, sáng tạo trong việc tư vấn và triển khai công tác nhân sự tại môi trường làm việc đa dạng.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị nguồn nhân lực trình bày các kiến thức về nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn lực con người; xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động tác nghiệp về nhân sự cụ thể bao gồm thiết kế và phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, đãi ngộ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của hoạt động trong doanh nghiệp nói riêng và tổ chức nói chung.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M).

42. Kinh doanh quốc tế**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần nhằm giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế như sự hình thành và phát triển của kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế; phân tích đánh giá môi trường kinh doanh cũng như các chiến lược kinh doanh quốc tế cơ bản, các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh quốc tế để giải thích, phân tích, dự báo các vấn đề nảy sinh và giải quyết các tình huống thường gặp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Học phần sẽ trang bị kiến thức về hoạt động kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế. Đồng thời, người học được tiếp cận với một số tình huống thường gặp trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế ở mức độ cơ bản; các quan điểm và cách thức giải quyết nhằm giúp người học hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực tư duy trong hoạt động kinh doanh quốc tế; cũng như phẩm chất nghề nghiệp trước và sau khi tốt nghiệp. Học phần làm nền tảng để người học có thể học tập, nghiên cứu các học phần chuyên sâu thuộc ngành đào tạo kinh doanh và quản lý.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R).

43. Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 06

❖ Điều kiện tiên quyết (nếu có): Theo quy định về thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hiện hành của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ, phương pháp quản lý để chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong quản lý kinh tế trên phạm vi quốc gia, ngành, vùng, tổ chức kinh tế. Từ đó có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp

- *Tóm tắt nội dung:*

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của người học, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của người học đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu người học đến thực tập tốt nghiệp tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian quy định.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(R), PLO7(M), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(A).

44. Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 03

❖ Điều kiện tiên quyết (nếu có): Theo quy định về Thực tập cuối khóa hiện hành của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành, giúp người học có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất

kiến nghị phù hợp, tạo khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực tập tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của người học, giúp vận dụng kiến thức đã tích lũy trong suốt thời gian học tập để ứng dụng vào thực tế. Người học lựa chọn nghiên cứu hoặc giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành đào tạo với yêu cầu người học phải đến thực tập tốt nghiệp tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian quy định.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(R), PLO7(A), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(M).

45. Phân tích lợi ích và chi phí

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp kiến thức chung về lợi ích và chi phí kinh tế của chương trình, chính sách, đầu tư; kiến thức phân tích kinh tế để lựa chọn chính sách; rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, kỹ năng tổng hợp, phân tích thành báo cáo tư vấn có nội dung đơn giản; từ đó giúp người học hình thành khả năng trình bày ý kiến, lập luận, tư vấn, chịu trách nhiệm với kết quả tư vấn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức giới thiệu chung về phân tích lợi ích và chi phí của dự án; hướng dẫn cách nhận dạng các lợi ích và chi phí của một chương trình, dự án cụ thể; phương pháp đánh giá các lợi ích và chi phí có giá thị trường; phương pháp đánh giá các lợi ích và chi phí không có giá thị trường; một số tiêu chí quyết định lựa chọn giữa các phương án; đánh giá hiệu quả kinh tế chính sách, dự án

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA KINH TẾ - LUẬT



Phạm Tiến Đạt

Phúc

Đoàn Ngọc Phúc

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. GIÁO TRÌNH CHÍNH SỬ DỤNG GIẢNG DẠY

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Triết học Mác – Lênin
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Đại cương về Nhà nước và pháp luật	Đào Trí Úc-Hoàng Thị Kim Quế	ĐHQG Hà Nội	2023	Pháp luật đại cương
7	Business Partner Student's book – A2+	O'Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh
8	Business Partner Student's book – B1	O'Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
9	Cơ sở toán kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2023	Toán kinh tế
10	Năng lực số	Đỗ Văn Hùng, Phạm Hải Chung, Nguyễn Thị Kim Dung, Phan Thanh Đức, Lê Quốc Hải, Trần Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	Năng lực số

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Hòa, Mai Anh Thơ, Bùi Thanh Thúy			
11	Kinh tế học vi mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tài chính	2024	Kinh tế học vi mô
12	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tài chính	2022	Kinh tế học vĩ mô
13	Nguyên lý kế toán	TS. Ngô Thị Mỹ Thúy	Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
14	Nguyên lý Marketing	Dư Thị Chung và tập thể tác giả	Tài chính	2024	Nguyên lý Marketing
15	Quản trị học	TS. Cảnh Chí Hoàng	Trường Đại học Tài chính Marketing.	2021	Quản trị học
16	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
17	Luật Kinh tế	TS. Phạm Thị Huyền Sang	Đại học Vinh	2023	Luật kinh doanh
18	Thuế 1	TS. Lê Quang Cường - TS. Nguyễn Kim Quyển	Kinh tế	2023	Thuế
19	Tài chính doanh nghiệp 2	TS. Bùi Hữu Phước	Tài chính	2022	Tài chính doanh nghiệp
20	Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Kuratko	Hồng Đức	2019	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
21	Kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính		Kinh tế lượn
22	Successful Algorithmic Trading	Michael L.Halls – Moore	Quantstart	2015	Phát triển bền vững/
23	Data Mining for Business Analytics	Galit Shmueli Peter C. Bruce Inbal Yahav Nitin R. Patel Kenneth C. Lichtendahl, Jr.	Wiley	2018	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh
24	Digital Marketing: Strategy, Implementation and Practice	Chaffey, D., & Ellis-Chadwick, F.	Pearson	2022	Marketing kỹ thuật số

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
25	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Hoàng Văn Hải & Đặng Thị Hương	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2022	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội
26	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Phạm Văn Dũng, Hoàng Triều Hoa và Nguyễn Thị Thu Hoài	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	2007	Chính sách kinh tế
27	Kinh tế đầu tư.	Nguyễn Bạch Nguyệt	(Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	Đầu tư công
28	Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình-Ngô Thị Tuyết Mai	Kinh tế Quốc Dân	2023	Kinh tế quốc tế
29	Kinh tế phát triển	Phan Minh Tuấn	Xây Dựng	2022	Kinh tế phát triển
30	Statistics for Economics, Accounting and Business Studies 7th Edition	Michael Barrow	Pearson	2017	Phân tích dữ liệu kinh doanh
31	Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Xuân Trường, Ngô Vũ Quỳnh Thi, Nguyễn Thái Hà, & Ninh Đức Cúc Nhật	NXB Thanh niên	2020	Hành vi khách hàng
32	Tài chính công	TS. Nguyễn Thế Khang và cộng sự	Tài chính	2023	Tài chính công
33	Quy hoạch đô thị đương đại	John M. Levy	NXB Xây dựng	2022	Quy hoạch đô thị
34	Data analysis for business, economics, and policy	Gábor Békés-Gábor Kézdi	Cambridge University	2021	Phân tích và dự báo kinh tế
35	Quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàn Toàn & Mai Văn Bưu	Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân	2021	Quản lý nhà nước về kinh tế
36	Quản lý dự án đầu tư công.	Lê Như Thanh và Lê Văn Hòa	Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.	2017	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư
37	Labor Economics	George.J.Bojias	Mc Graw Hill	2022	Kinh tế lao động
38	Thống kê kinh tế	Bùi Đức Triệu	Nxb. Đại	2022	Thống kê kinh tế

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
			học Kinh tế quốc dân		
39	Quản lý phát triển địa phương	Đàm Văn Nhuệ, Nguyễn Xuân Thu - Nguyễn Cúc	Nxb. CTQG - Sự thật	2015	Quản lý phát triển địa phương
40	Giáo trình Kế toán công (quyển 1).	(Phạm Đức Cường, Nguyễn Hà Linh đồng chủ biên	NXB Kinh tế quốc dân.	2021	Kế toán công
41	Quản trị nhân lực	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2022	Quản trị nguồn nhân lực
42	Giáo trình Kinh doanh quốc tế.	Phạm Thị Hồng Yến - Chủ biên	NXB Thống kê.	2012	Kinh doanh quốc tế
43	Cost-benefit analysis: concepts and practice	Anthony E. Boardman	Cambridge University Press	2018	Phân tích lợi ích và chi phí

2. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC/TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Kinh tế học vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu	Tài chính	2023	Kinh tế học vĩ mô
2	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	CTQG Sự thật	2023	Pháp luật đại cương
3	Business Vocabulary in Use – Pre – Intermediate.	Mascull, B.	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh
4	Business Vocabulary in Use – Intermediate	Bill, M	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
5	Excel Power Query và Power Pivot Cơ bản – Tự động hóa dữ liệu báo cáo	Nguyễn Quang Vinh	Văn hóa Thông tin	2023	Năng lực số
6	Tin học ứng dụng	Trương Thành Công, Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu,	NXB Tài Chính	2023	Năng lực số

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Thanh San, Nguyễn Quốc Thanh, Nguyễn Thanh Trường, Huỳnh Ngọc Thành Trung			
7	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu và cộng sự	2011	NXB Lao động- Xã hội	Nguyên lý Marketing
8	Principles of Marketing	Kotler, P., Armstrong, G., & Balasubramanian , S.	2023	Pearson Australia	Nguyên lý Marketing
9	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	NXB Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
10	Luật Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Dung	NXB Tư pháp	2022	Luật kinh doanh
11	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	2019	Tài chính doanh nghiệp
12	Quantitative trading : how to build your own algorithmic trading business	Ernest P. Chan	John Wiley & Sons	2021	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh
13	Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2022	Hành vi khách hàng
14	Consumer Behavior: Building Marketing Strategy.	Mothersbaugh, D., Hawkins, D. I.	McGraw-Hill.	2016	Hành vi khách hàng
15	Consumer Behaviour – Buying, having and being	Solomon, M. R	Pearson	2020	Hành vi khách hàng
16	E-Marketing	Frost, R., Fox, A.K., & Strauss, J.	Routledge	2019	Marketing kỹ thuật số
17	Digital Marketing Strategy: An Intergrated Approach	Kingsnorth, S.	KoganPage	2021	Marketing kỹ thuật số

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	to Online Marketing				
18	Introduction to Sustainable Development Goals (SDGs)	Baker, J	https://ecampusontario.pressbooks.pub/sdgingintro/front-matter/introduction	2023	Phát triển bền vững
19	Sustainability and Sustainable Development: An Introduction	Benton-Short, L	Rowman & Littlefield	2023	Phát triển bền vững
20	Tài chính công	Nguyễn Thị Cảnh chủ biên.	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,	2014	Tài chính công
21	Lý thuyết quản lý tài chính công	Hoàng Thị Thúy Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh đồng chủ biên...	Tài chính	2016	Tài chính công
22	Đô thị thông minh, tương lai xán lạn: bản trình diễn về tương lai	Mike Barlow và cộng sự	Trẻ	2020	Quy hoạch đô thị
23	Kinh doanh quốc tế hiện đại. (Sách dịch)	Bộ môn kinh doanh quốc tế, ĐH Kinh tế Tp.HCM.	Kinh tế Tp.HCM.	2015	Kinh doanh quốc tế
24	Global Business Today (12th ed)	Hill, C. W. L.	McGraw- Hill.	2021	Kinh doanh quốc tế
25	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế học vi mô
26	Principles of Macroeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế học vĩ mô

3. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 17/TT/2021-BGDĐT VÀ THÔNG TƯ SỐ 02/TT/2022-BGDĐT

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, 2020	Triết học	Triết học Mác – Lênin
2	Bùi Thanh Tùng		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3	Bùi Minh Nghĩa		Thạc sĩ, 2014	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
4	Trần Hạ Long		Thạc sĩ, 2011	Triết học	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Vũ Văn Quế		Thạc sĩ, 2010	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, 2023	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
7	Phạm Thị Thùy Trang		Thạc sĩ, 2003	Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành
8	Nguyễn Thị Châu Ngân		Tiến sĩ, 2017	Giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao
9	Ngô Thái Hưng		Tiến sĩ, 2020	Kinh doanh và quản lý	Toán kinh tế
10	Trương Thành Công		Tiến sĩ, 2021	Khoa học máy tính, CNTT & Toán ứng dụng	Năng lực số
11	Nguyễn Huy Hoàng		Tiến sĩ, 2010	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Kinh tế học vi mô
12	Đoàn Ngọc Phúc		Tiến sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế học vĩ mô
13	Lương Thị Thanh Việt		Tiến sĩ, 2019	Kế toán	Nguyên lý kế toán
14	Bảo Trung		Tiến sĩ, 2010	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing
15	Huỳnh Thị Thu Sương	PGS, 2022	Tiến sĩ, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản trị học
16	Trần Thị Thanh Nga		Tiến sĩ, 2019	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính – Tiền tệ
17	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, 2013	Luật học	Luật kinh doanh
18	Nguyễn Lê Hà Thanh Na		Thạc sĩ, 2013	Tài chính nhà nước	Thuế
19	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS, 2016	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
20	Trần Thế Nam		Tiến sĩ, 2021	Quản trị kinh doanh	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
21	Nguyễn Văn Phong		Thạc sĩ,	Toán giải	Kinh tế lượng

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			2007	tích	
22	Lê Trường Hải		Thạc sĩ, 2012	Chính sách công	Phát triển bền vững
23	Hồ Thị Lam		Tiến sĩ, 2020	Tài chính - Ngân hàng	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh
24	Dư Thị Chung		Tiến sĩ, 2023	Quản trị kinh doanh	Marketing kỹ thuật số
25	Đinh Thanh Nhân		Tiến sĩ, 2020	Quản trị kinh doanh quốc tế	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội
26	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	Chính sách kinh tế
27	Nguyễn Thị Tố Nga		Thạc sĩ, 2019	Chính sách công	Đầu tư công
28	Hoàng Thị Xuân		Thạc sĩ, 2014	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
29	Phan Ngọc Yến Xuân		Thạc sĩ, 2016	Chính sách công	Kinh tế phát triển
30	Nguyễn Trung Đông		Thạc sĩ	Toán học	Phân tích dữ liệu kinh doanh
31	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ, 2012	Quản trị kinh doanh	Hành vi khách hàng
32	Đỗ Gioan Hào		Thạc sĩ, 2007	Kinh tế phát triển	Tài chính công
33	Hoàng Tuấn Dũng		Thạc sĩ, 2014	Kinh tế bất động sản, Tài chính - Ngân hàng	Quy hoạch đô thị
34	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	Phân tích và dự báo kinh tế
35	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế
36	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ, 2018	Tài chính- ngân hàng	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư
37	Phạm Thị Vân Anh		Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế lao động
38	Trần Văn Hùng	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	Thống kê kinh tế
39	Ngô Sĩ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2013	Quản lý kinh tế	Quản lý phát triển địa phương
40	Trần Hồng Vân		Tiến sĩ, 2015	Kế toán	Kế toán công

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Triết lý giáo dục: Thực chất, đổi mới, sáng tạo	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng: Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 3. Ma trận tương thích giữa học phần, khối lượng kiến thức với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Triết học Mác – Lênin	I				R				R	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	I				R				R	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I				R				R	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				R				R	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				R				R	
6	Pháp luật đại cương	I						R			R
7	Tiếng Anh trong kinh doanh					R					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao					R					I
9	Toán kinh tế	I		R	R	R					
10	Năng lực số		R							R	R
11	Kinh tế học vi mô	I				R				R	
12	Kinh tế học vĩ mô	I				R				R	

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
13	Nguyên lý kế toán	I					I	I		I	
14	Nguyên lý marketing	I		I				I		I	
15	Quản trị học	I				M					R
16	Tài chính – Tiền tệ			R				R		R	R
17	Luật kinh doanh				I				R		R
18	Thuế		R				R			R	R
19	Tài chính doanh nghiệp			R				R		R	R
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	I						R	R	I	
21	Kinh tế lượng	R		I	R	M					
22	Phát triển bền vững		R				R			R	R
23	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh		R				R			R	R
24	Marketing kỹ thuật số		I	R	M			R	R	R	R
25	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	I				M					R
26	Chính sách kinh tế			M	M			R	M	M	
27	Đầu tư công		R				R			R	R
28	Kinh tế quốc tế			R	R			R	R	R	
29	Kinh tế phát triển		R	R	R			R	M	M	
30	Phân tích dữ liệu kinh doanh		R		M			R	M	R	R
31	Hành vi khách hàng			R	R			R	R	R	R
32	Tài chính công			R	R			R	R	R	R
33	Quy hoạch đô thị				A				A		M
34	Phân tích và dự báo kinh tế		M	M	M			M	M	A	M
35	Quản lý nhà nước về kinh tế		M	M	M				M	A	M
36	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư				A				A		M
37	Kinh tế lao động		A		A			A		A	A
38	Thống kê kinh tế	M	M	M			M	M	M	M	M
39	Phân tích lợi ích và chi phí			M	M	M			A	A	

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
40	Kế toán công			M	I	R			R	R	R
41	Quản trị nguồn nhân lực			R	M	M		M	R	M	
42	Kinh doanh quốc tế			R				R		R	
43	Khóa luận tốt nghiệp	M	A	A	A	M	R	M	A	A	A
44	Học phần thay thế: Quản lý phát triển địa phương				A				A		A
45	Thực tập cuối khóa/		M	A	A	M	R	A	A	A	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

Phụ lục 4. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Ngành Kinh tế với chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế – Luật

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế - Luật		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
1	Triết học Mác – Lênin	3			Triết học Mác – Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2			Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	Pháp luật đại cương	3			Nhập môn Luật học	3	
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3			Tiếng Anh 1,2	10	
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3			Tiếng Anh 3,4	10	

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế - Luật		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
9	Toán kinh tế				Toán kinh tế	3	
10	Năng lực số	3			Công nghệ thông tin & truyền thông	2	
11	Kinh tế học vi mô	3			Kinh tế học vi mô	3	
12	Kinh tế học vĩ mô	3			Kinh tế học vĩ mô	3	
13	Nguyên lý kế toán				Nguyên lý kế toán	3	
14	Nguyên lý Marketing						
15	Quản trị học	3			Quản trị học	3	
16	Tài chính – Tiền tệ				Nguyên lý thị trường tài chính	3	
17	Luật kinh doanh	3			Pháp luật doanh nghiệp	3	
18	Thuế	3					
19	Tài chính doanh nghiệp	3			Quản trị tài chính	2	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			Sáng tạo & khởi nghiệp	2	
21	Kinh tế lượng	3			Kinh tế lượng	3	
22	Phát triển bền vững	3			Kinh tế môi trường	3	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3					
24	Marketing kỹ thuật số	3			Marketing địa phương	3	
25	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3					
26	Chính sách kinh tế	3			Phân tích chính sách	3	
27	Đầu tư công	3					
28	Kinh tế quốc tế	3			Kinh tế quốc tế	3	
29	Kinh tế phát triển	3			Kinh tế phát triển	3	
30	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3			Phân tích dữ liệu	3	
31	Hành vi khách hàng	3					
32	Tài chính công	3			Tài chính công	3	
33	Quy hoạch đô thị	3			Kinh tế đô thị, vùng và miền	3	
34	Phân tích và dự báo kinh tế	3					
35	Quản lý nhà nước về kinh tế	3					
36	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3			Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	
37	Kinh tế lao động	3			Kinh tế lao động		

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing			STT	Trường Đại học Kinh tế - Luật		
	Học phần	LT	TH		Học phần	LT	TH
38	Thống kê kinh tế/Economic statistics	3			Thống kê trong kinh doanh	3	
39	Phân tích lợi ích và chi phí	3			Phân tích lợi ích và chi phí		
40	Kế toán công	3			Kế toán hành chính sự nghiệp	2	
41	Quản trị nguồn nhân lực	3					
42	Kinh doanh quốc tế	3			Quan hệ quốc tế	2	
43	Khóa luận tốt nghiệp	3			Khóa luận tốt nghiệp	4	
44	Học phần thay thế: Quản lý phát triển địa phương	3				3	
45	Thực tập cuối khóa	3			Thực tập cuối khóa	4	